

TRIẾT ƠI LÀ TRIẾT!!

Cấu trúc đề thi:

2 câu – 1 câu sẽ nằm trong 3 câu đầu và 1 câu sẽ nằm trong 3 câu sau.

1. Định nghĩa vật chất của Lênin

a. Quan niệm trước Mác về vật chất:

- Duy tâm: phủ nhận sự tồn tại khách quan của vật chất
- Duy vật: Khẳng định sự tồn tại khách quan của vật chất
 - + Duy vật cổ đại: Đồng nhất vật chất với 1 hay 1 số dạng cụ thể của vật chất (vật chất nguyên tử)
 - + Duy vật XVII-XVIII ở Tây Âu: Đồng nhất vật chất với 1 hay 1 số dạng cụ thể của vật chất (đồng nhất vật chất với nguyên tử)

Vật chất \equiv nguyên tử

Vật chất \equiv khối lượng(Newton, m bất biến..)

Vật chất \equiv quảng-tính (có kích thước)

⇒ Vật chất không tồn tại, vật chất tiêu tan vật chất -> Phi vật chất.

⇒ Vai trò khoa học thay đổi.

b. Định nghĩa vật chất của Lênin (Thông qua một phạm trù đối lập ý thức)

- Vật chất là phạm trù riêng nhất, khái quát nhất của lý luận nhận thức
- Vật chất là phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.

➔ Lenin yêu cầu phân biệt vật chất dưới góc độ triết học với vật chất theo quan niệm thông thường, các ngành khoa học cụ thể

+ Vật chất theo quan niệm thông thường, ngành khoa học cụ thể có giới hạn, có sinh ra, có mất đi.

+ Vật chất dưới góc độ triết học vô cùng, vô tận, tồn tại vĩnh viễn.

⇒ Khẳng định điều này để tránh đồng nhất vật chất với 1 hay 1 số dạng cụ thể của vật chất như các nhà triết học C.Mác

Phân tích các thuộc tính cơ bản của vật chất

- Lenin đã nêu bật lên thuộc tính cơ bản nhất, phổ biến nhất, chung nhất, có ở mọi dạng vật chất đó là ‘tồn tại khách quan’ bên ngoài ý thức, không lệ thuộc vào ý thức, đây chính là dấu hiệu cơ bản để phân biệt vật chất với ý thức.

- Thuộc tính của vật chất
 - phản ánh
 - vận động
 - tồn tại khách quan
 - không gian, thời gian

➔ Lenin đã giải quyết được mối quan hệ giữa tính trừu tượng và tính hiện thực cụ thể cảm tính.

- Vật chất không tồn tại chung chung trừu tượng mà tồn tại hiện thực -> Thông qua các sự vật cụ thể cảm tính. -> Có khả năng tác động vào giác quan hình thành cảm giác.
 ➔ Lênin đã giải quyết được mặt thứ nhất của vấn đề cơ bản triết học theo lập trường duy vật khi khẳng định vật chất là nguồn gốc khách quan hình thành ý thức.
- Lê nin đã khẳng định bằng các phương pháp nhận thức khác nhau (chép lại, chụp lại, phản ánh) thì con người có khả năng nhận thức được thế giới khách quan.-> Lenin đã giải quyết được mặt 2 của vấn đề cơ bản triết học theo lập trường khả tri.
- c. Ý nghĩa khoa học của định nghĩa
- Giải quyết khủng hoảng phương pháp luận về vấn đề vật chất, cổ vũ định hướng các nhà khoa học tiếp tục đi sâu tìm kiếm các dạng vật chất mới, bản chất của thế giới khách quan.
- Khắc phục được hạn chế của chủ nghĩa duy vật cũ (đồng nhất vật chất với 1 hay 1 số dạng cụ thể vật chất) sai lầm của chủ nghĩa duy tâm (phủ nhận sự tồn tại khách quan của vật chất) về vấn đề vật chất trên cơ sở giải quyết một cách đúng đắn vấn đề cơ bản triết học theo lập trường duy vật và thuyết khả tri.
- Xác định yếu tố vật chất ở trong đời sống XH -> củng cố lập trường duy vật về XH (Duy vật lịch sử).

2. Quy luật lượng chất

a. Khái niệm

- Chất: là tính quy định khách quan vốn có của sự vật, là do sự thống nhất hữu cơ của các thuộc tính, phân biệt sự vật.
 - + Chất là tính quy định nói lên sự vật là cái gì
 - + Chất của sự vật chỉ bộc lộ thông qua liên hệ và tương tác
 - + Sự vật có vô vàn chất -> Tùy thuộc vào môi liên hệ, phương thức liên kết giữa các yếu tố cấu thành.
- Lượng: Là tính quy định khách quan nói lên sự vật là như thế nào

Sự vật vô vàn lượng.

{ Lượng của chất xác định
 { Chất được biểu diễn thông qua những lượng xác định

Sự phân biệt chất và lượng chỉ là tương đối.

b. Mối quan hệ biện chứng giữa chất và lượng

Sự vật {

Chất: ổn định	}
Lượng: biến đổi	

 } \Rightarrow Sự vật vận động bắt đầu từ lượng

- Độ: Là khoảng giới hạn mà trong đó sự thay đổi của lượng chưa làm thay đổi

chất của sự vật, Độ là sự thống nhất giữa chất và lượng.

- Điểm nút: là điểm giới hạn mà tại đó diễn ra sự chuyển hóa về chất do sự tích lũy đủ lượng.
- Bước nhảy: Là quá trình chuyển hóa về chất tại điểm nút do sự tích lũy về lượng trước đó gây ra.

Phân loại bước nhảy: + Bước nhảy dần dần/ bước nhảy đột biến

+ Bước nhảy toàn bộ/ bước nhảy cục bộ

*Nội dung quy luật:

-> Lượng vượt quá giới hạn độ -> tại điểm nút, sự vật thực hiện bước nhảy về chất-> Chất cũ mất đi

-> Chất mới ra đời -> Sự vật mới xuất hiện

Chất mới	}	Độ mới -> Lượng mới Tiếp tục vận động
Lượng mới		

Do

[{	Bản tính của lượng
		Chất mới ra đời tác động ngược trở lại sự thay đổi của lượng
		Thay đổi quy mô, tốc độ, nhịp độ với phát triển của lượng

→ Lượng mới tiếp tục vượt qua giới hạn độ mới -> Sự vật mới xuất hiện

→ Sự vật vận động liên tục

c. Ý nghĩa phương pháp luận

- Nhận thức đúng vai trò, vị trí của chất và lượng, mối quan hệ biện chứng giữa chất và lượng.
- Từ đó có khuynh hướng chống lại:
 - + Tả khuynh: Nóng vội, chủ quan: chưa tích lũy đủ lượng nhưng đã vội vàng thực hiện bước nhảy về chất
 - + Hữu khuynh: Bảo thủ, trì trệ: đã tích lũy đủ lượng nhưng không mạnh dạn thực hiện bước nhảy về chất
- Vận dụng linh hoạt các phương thức liên kết giữa các yếu tố cấu thành để thay đổi chất của sự vật.
- Vận dụng linh hoạt các hình thức bước nhảy để thay đổi về chất của sự vật.
- Nhận thức: sự vật nhận thức từ chất đến lượng.

3. Nguyên lí về mối quan hệ phổ biến

Nguyên lí về mối quan hệ phổ biến là nguyên tắc lý luận xem xét sự vật, hiện tượng khách quan tồn tại trong mối liên hệ, ràng buộc lẫn nhau, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng, hay giữa các mặt của một sự vật, của một hiện tượng trong thế giới. Nguyên lí này là một trong hai nguyên lí cơ bản của phép biện chứng duy vật.

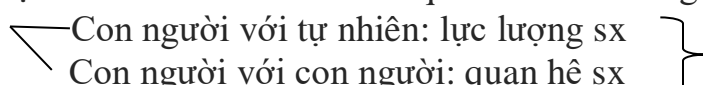
→ Ý nghĩa phương pháp luận

- Quan điểm toàn diện: Khi xem xét sự vật phải đặt sự vật trong vô vàn các mối liên hệ gắn liền với sự tồn tại và phát triển của sự vật, tránh quan niệm phiến diện 1 chiều.
- Quan điểm lịch sử cụ thể: Không được xem xét cân bằng, tràn lan mà phải vạch ra được vị trí, vai trò của từng mối liên hệ đối với sự vận động và phát triển của sự vật.

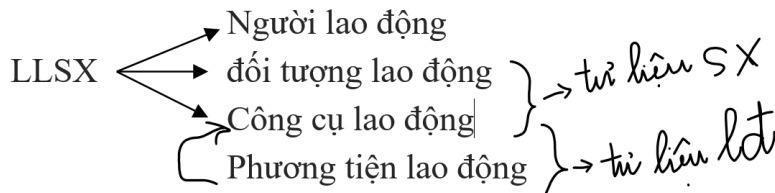
.....tự tìm hiểu thêm....

4. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

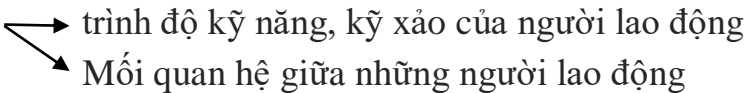
☀ Phương thức sản xuất

- Khái niệm: là cách thức tiến hành quá trình sx ở 1 giai đoạn lịch sử nhất định.
- PTSX 

a. Lực lượng sx: mối quan hệ giữa con người với tự nhiên



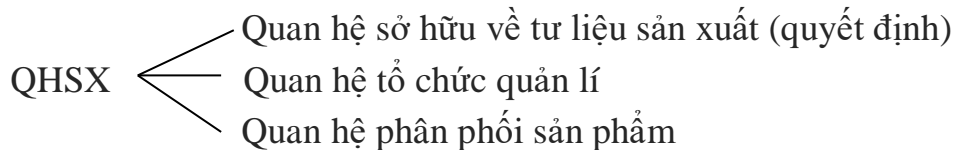
- Công cụ lao động là yếu tố cách mạng nhất, động nhất của lực lượng sx

Cải tạo 

- KH-KT từng bước trở thành lực lượng sx trực tiếp
 - + Thay đổi vai trò của người lao động
 - + Thay đổi tổ chức, quản lí
 - + Phân phối sản phẩm

⇒ Thay đổi thành phần người lao động

b. Quan hệ sản xuất: Con người với con người trong sản xuất



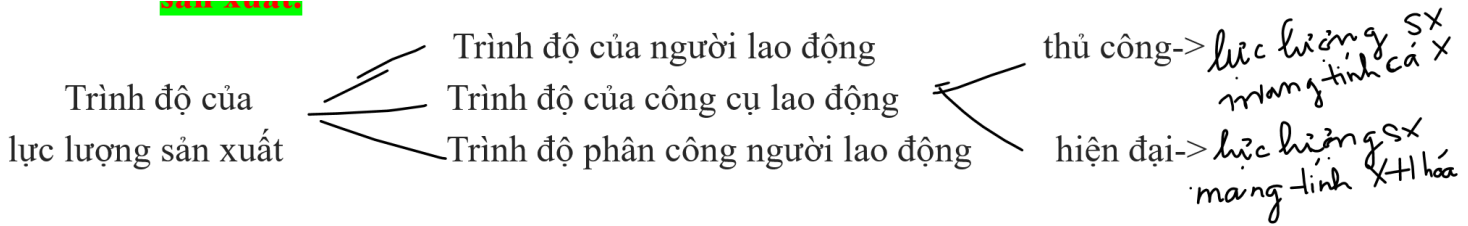
→ Tiêu chuẩn khách quan để phân biệt các chế độ XH

☀ Quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất

- Sở hữu XH (công hữu về tư liệu sx): Tư liệu sx thuộc về XH -> Bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi.
- Sở hữu cá nhân (tư hữu về tư liệu sx): Tư liệu sx thuộc về cá nhân -> nảy sinh quan hệ lệ thuộc -> Bất bình đẳng.

☀ Quy luật về sự phù hợp QHSX với LLSX (là câu 5 đó.. tự thêm vô)

5. Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất.



a. Lực lượng sản xuất quyết định sự hình thành và phát triển của quan hệ sản xuất.

- Lực lượng sản xuất là nội dung của quá trình sản xuất

Quan hệ sản xuất là hình thức của quá trình sản xuất

⇒ Lực lượng sản xuất ở trình độ nào thì quan hệ sản xuất phải ở trình độ tương ứng

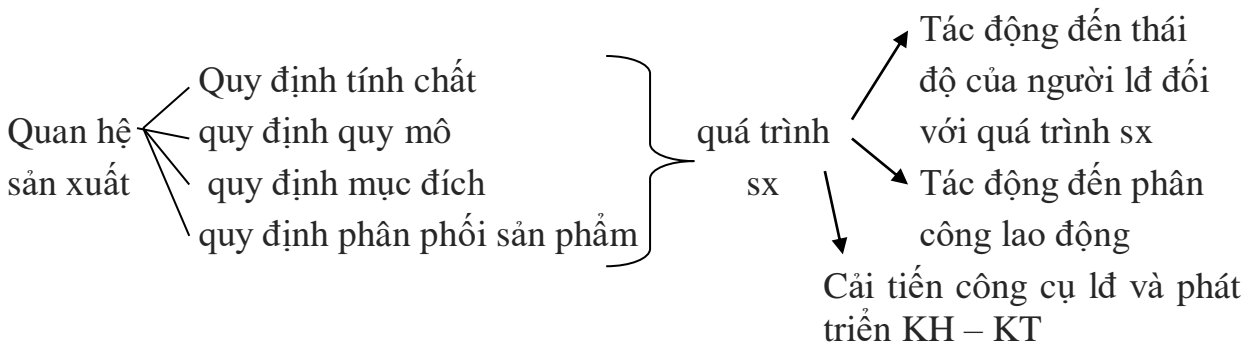
- Sản xuất vật chất không ngừng phát triển -> Cải tiến công cụ lao động -> Cải tạo trình độ kỹ năng, kỹ xảo của người lao động -> lực lượng sản xuất ngày càng phát triển -> lực lượng sản xuất ngày càng mang tính XH hóa -> mâu thuẫn giữa tính XH hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với tính chất chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất của quan hệ sản xuất.

(Vì quan hệ sản xuất bảo thủ, muốn duy trì theo hình thức cũ)

Mặt khác: Mâu thuẫn trên biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giai cấp -> Đấu tranh giai cấp -> Đỉnh cao là cách mạng XH -> Xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ, hình thành quan hệ sản xuất mới -> phương thức sản xuất mới, chế độ XH mới ra đời.

★ Nguồn gốc và động lực phát triển của XH là việc giải quyết liên tục mâu thuẫn giữa tính XH hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với tính chất chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất của quan hệ sản xuất thông qua đấu tranh giai cấp -> Làm cho XH vận động từ thấp đến cao.

b. Quan hệ sản xuất có tính độc lập tương đối và có sự tác động trở lại đối với lực lượng sản xuất



→ Quan hệ sản xuất phù hợp thì thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Quan

- Thực chất của việc bỏ qua chủ nghĩa tư bản của Việt Nam là bỏ qua sự thống trị của quan hệ sản xuất tư bản.

6. Mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

- Cơ sở hạ tầng: Hệ thống quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế ở một giai đoạn lịch sử nhất định
- Kiến trúc thượng tầng
 - ← hệ tư tưởng, hệ lý luận
 - ← Tôn giáo, pháp luật
 - ← Thiết chế XH, tổ chức chính trị, đảng phái, nhà nước
- a. Cơ sở hạ tầng quyết định sự hình thành và phát triển của kiến trúc thượng tầng.
 - Cơ sở hạ tầng -> sản sinh kiến trúc thượng tầng tương ứng.
 - Giai cấp thống trị kinh tế -> thống trị chính trị
 - Mâu thuẫn kinh tế là nguồn gốc sâu xa của mâu thuẫn chính trị
 - Quan hệ sx -> bị quy định bởi lực lượng sx -> quan hệ sx phát triển -> sớm hay muộn nó sẽ kéo theo sự thay đổi của kiến trúc thượng tầng.
- b. Kiến trúc thượng tầng có tính độc lập tương đối và có sự tác động trở lại cơ sở hạ tầng
.....<Chức năng, vai trò của kiến trúc thượng tầng>....

Nhắc rồi nên mà nếu có xui ra câu ni thì thôi chấp nhận điểm thấp

Thu Phương dự đoán đề sẽ rơi vào câu 1 và câu 5. ☺

--- Chúc các bạn thành công---